

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường mầm non Nguyễn Công Trứ.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: Số 5 đường Nguyễn Công Trứ, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, Hải Phòng.

Điện thoại: 0225.3620926.

Website: <https://mnnguyencongtru.haiphong.edu.vn>.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Trường mầm non công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân quận Lê Chân.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

***Tầm nhìn**

Tạo dựng được môi trường sư phạm thân thiện, an toàn, nề nếp; nâng cao chất lượng GD toàn diện để trẻ phát triển một cách toàn diện về đức, trí, thể, mỹ. Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng. Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện. Là nơi giáo viên năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

*** Sứ mệnh**

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng để

mỗi trẻ đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

*** Giá trị cốt lõi của nhà trường**

- Trẻ phát triển khoẻ mạnh cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ.
- + Có tính hợp tác sáng tạo, biết giải quyết vấn đề.
- + Tự tin vào các năng lực bản thân, tôn trọng và thương yêu người khác.

*** Mục tiêu chung**

Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục;
Trẻ được chăm sóc và giáo dục để trở thành những đứa trẻ khoẻ mạnh hạnh phúc – tự tin - sáng tạo.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

*** Lịch sử hình thành**

Trường MN Nguyễn Công Trứ thành lập năm 1979, khi đó là Nhà trẻ khu phố Lê Chân, trường được xây dựng lại từ năm 2015 với 6 tầng kiên cố gồm 10 phòng học, có đủ khu hiệu bộ, có phòng chức năng, sân chơi, bếp ăn trên tổng diện tích mặt bằng 396 m² với tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên là 35 đ/c (trong đó 27 biên chế, 8 hợp đồng trường) đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ của con em nhân dân. Chất lượng giáo dục của nhà trường từng bước nâng cao, tiếp tục khẳng định được uy tín, chất lượng của trường so với các trường mầm non trong quận và thành phố.

Trên 40 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã đạt các danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ, yêu nghề, mến trẻ. Hằng năm, trường đều có giáo viên tham gia Hội thi giáo viên giỏi cấp Quận và Thành Phố; Năm học 2024 – 2025 trường có nhân viên nuôi tham gia Liên hoan thi cô nuôi giỏi đạt giải xuất sắc cấp quận, giải nhất cấp thành phố; 20% cán bộ, giáo viên được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện pháp luật: Trần Thị Thu Thủy

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 5 Nguyễn Công Trứ, Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

Số điện thoại: 0936627668.

Gmail: tranthuy120971@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường được chuyển đổi từ Nhà trẻ thành Trường Mầm non Nguyễn Công Trứ từ ngày 03/8/1989 theo quyết định số 25/QĐ - UB ngày 03/8/1989 của Ủy Ban Bảo vệ Bà mẹ trẻ em thành phố Hải Phòng.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định QĐ số 2551/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Chủ tịch UBND quận Lê Chân Về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường MN Nguyễn Công Trứ nhiệm kỳ 2021-2026

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh HĐ	Ghi chú
1	Trần Thị Thu Thủy	Bí thư Chi bộ Hiệu trưởng nhà trường	Trường MN Nguyễn Công Trứ	Chủ tịch	
2	Đặng Thị Oanh	Phó Hiệu trưởng Chủ tịch Công đoàn	Trường MN Nguyễn Công Trứ	Thành viên	
3	Trần Thùy Dương	Phó Hiệu trưởng	Trường MN Nguyễn Công Trứ	Thành viên	
4	Đào Thị Thu Trang	Giáo viên Tổ trưởng khối NT	Trường MN Nguyễn Công Trứ	Thư ký	
5	Đinh Thị Dung	Giáo viên Bí thư chi đoàn TNCSHCM	Trường MN Nguyễn Công Trứ	Thành viên	

6	Bùi Thị Thái Thảo	Giáo viên Tổ trưởng khối 5 Tuổi	Trường MN Nguyễn Công Trứ	Thành viên	
7	Hoàng Thị Hồng Vân	Kế Toán - Tổ trưởng Tổ VP	Trường MN Nguyễn Công Trứ	Thành viên	
8	Nguyễn Văn Kiên	Phó chủ tịch UBND phường Hàng Kênh	UBND phường Hàng Kênh	Thành viên	
9	Phạm Thị Thanh Huệ	Trưởng Ban đại diện CMHS	Công an quận Ngô quyền	Thành viên	

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục

Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng: Quyết định số: 3795/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của UBND Quận Lê Chân về việc điều động và bổ nhiệm có thời hạn Hiệu trưởng trường Mầm non Nguyễn Công Trứ.

Quyết định bổ nhiệm lại phó hiệu trưởng: Quyết định số 1771/ QĐ – UBND ngày 28/7/2021 của UBND Quận Lê Chân về việc bổ nhiệm có thời hạn Phó Hiệu trưởng trường MN Nguyễn Công Trứ.

Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng: Quyết định số 1600/ QĐ – UBND ngày 8/7/2021 của UBND Quận Lê Chân về việc bổ nhiệm có thời hạn Phó Hiệu trưởng trường MN Nguyễn Công Trứ...

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Trường MN Nguyễn Công Trứ được thành lập theo Quyết định số 25/QĐ - UB ngày 03/8/1989 của Ủy Ban Bảo vệ bà mẹ trẻ em thành phố Hải Phòng, thuộc địa bàn phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 9 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 16 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 33 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 16 đoàn viên .
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 4 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

k) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Trần Thị Thu Thủy	Hiệu trưởng	0936627668	tranthuy120971@gmail.com
2	Đặng Thị Oanh	Phó Hiệu trưởng	0767553196	Vinhoanh1999@gmail.com

3	Trần Thùy Dương	Phó Hiệu trưởng	0973838782	tranthuyduong@gmail.com
---	-----------------	-----------------	------------	-------------------------

Địa chỉ nơi làm việc: Số 5 Nguyễn Công Trứ, Hàng kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

		Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			T S	T h S	ĐH	C Đ	T C	Dư ới TC	Hạn g I	Hạn g II	Hạn g III	Hạn g IV	T ó t	Kh á	Đ ạ t	C Đ
	Tổng số CBGVNV	35			24	4	4	3		23	2					
I	Giáo viên	22			19	3				19	3					
1	Nhà trẻ	5			4	1				4	1		3	2		
2	Mẫu giáo	17			15	2				15	2		17			
II	Cán bộ quản lý	3			3					3			3			
1	Hiệu trưởng	1			1					1			1			
2	Phó Hiệu trưởng	2			2					2			2			
III	Nhân viên															
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên nuôi dưỡng	6				2	4									
6	Nhân viên khác (LC,BV)	3						3								

100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trở lên. Trong đó, 19 giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Các giáo viên, nhân viên 100% hoàn thành BDTX hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
-----	----------	----------	-----------

			Số m ² /trẻ em
1	Tổng số phòng	18	
2	Loại phòng học	10	
	Phòng học kiên cố	09	1,4m ²
	Phòng học bán kiên cố		
	Phòng học tạm		
	Phòng học nhờ	01	1,4m ²
3	Số điểm trường	01	
4	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	346m ²	
5	Tổng diện tích sân chơi (m²)	200 m ²	1m ² /trẻ
6	Tổng diện tích một số loại phòng		
	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	50m ² /phòng	2m ² /trẻ
	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	8m ² /phòng	0,3m ²
	Diện tích hiên chơi (m ²)	40m ² /Tầng	0,5m ²
	Diện tích phòng GD thể chất (m ²)		
	Diện tích phòng GD nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	60m ²	
	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	70m ²	
7	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo qui định	330	1 bộ/1 cháu
	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời	15	
8	Tổng số đồ chơi ngoài trời	12	12 bộ/sân chơi
9	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	16 máy vi tính, 2 đàn oocgan, 12 tivi 55 inh, 1 tivi cảm ứng thông minh	10 bộ vi tính + loa/10 lớp
10	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		

	Máy chiếu		01	
	Bộ máy camera quan sát,		01	
	Bộ camera trực tuyến			
	Bàn, ghế		100 bàn, 330 ghế	
		Số lượng (m ²)		
11	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho trẻ	
			Chung	Nam/Nữ
	Đạt chuẩn vệ sinh*	03	10	
	Chưa đạt chuẩn vệ sinh			
				Có Không
12	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x	
13	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x	
14	Kết nối internet (ADSL)		x	
15	Trang thông tin điện tử(website) của cơ sở giáo dục		x	
16	Tường rào xây		x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học 2024 -2025

TT	Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học								
			Toàn trường			Trong đó chia ra					
			Kết quả đạt được		Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ	Mẫu giáo				
			Số lượng trẻ	Đạt tỷ lệ			24-36 Tháng g tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi	
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ đi học	309	100	Đạt	49	62	100	98		
		Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0		
		Số trẻ em 2 buổi/ngày	309	100	Đạt	49	62	100	98		
		Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0		
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	309	100	Đạt	49	62	100	98		
		Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	309	100	Đạt	49	62	100	98		
	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	Trẻ được khám sức khỏe định kỳ		309	100	Đạt	49	62	100	98	
		Trẻ được cân đo đánh giá, tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo qui định		309	100	Đạt	49	62	100	98	
		Kết quả phát triển sức khỏe trẻ	Trẻ có cân nặng bình thường		300	97,1	Đạt	47	58	98	97
			Trẻ có chiều cao bình thường		309	98,7	Đạt	49	62	98	96
			Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân		4	1,3	Đạt	1	2	1	
			Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi		3	1	Đạt			2	1
			Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm		1	0,3	Đạt		1		

			Trẻ thừa cân	9	2,9	Đạt	1	2	2	4
			Trẻ béo phì			Đạt				
			Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần	309	100	Đạt	49	62	100	98
			Trẻ đi học chuyên cần	282	91	Đạt	35	59	90	98
4	Chất lượng giáo dục trẻ	Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ	Trẻ được đánh giá ở mức đạt	291	94	Đạt	46	57	94	94
			Trẻ được đánh giá ở mức cần cố gắng	18	6	Đạt	3	5	6	4
			Trẻ được đánh giá ở mức chưa đạt							
			Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	98	100					98
			Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ	0	0		0	0	0	0

2. Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 51/2020 TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025

Căn cứ Thông báo số 08/TB-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Quận Lê Chân về việc dự toán chi ngân sách năm 2025 cho Trường Mầm non Nguyễn Công Trứ.

Căn cứ Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các phòng ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân các phường.

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

a) Nguồn ngân sách:

DVT: đồng

NGUỒN CHI NỘI DUNG	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	0	0

DỰ TOÁN GIAO (2)	5.726.914.000	150.000.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	0	0
DỰ TOÁN GIẢM CCTL (4)	0	0
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)	5.726.914.000	150.000.000
DỰ TOÁN CHI	5.726.914.000	150.000.000
1. Tiền lương	3.276.597.562	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	261.144.000	
3. Phụ cấp lương	118.773.720	
4. Các khoản đóng góp	1.129.615.718	
5. Tiền thưởng	275.535.000	
6. Phúc lợi tập thể		
7. Phụ cấp, làm thêm, làm đêm	250.000.000	
8. Thanh toán dịch vụ công cộng	101.715.360	
9. Vật tư văn phòng	40.000.000	
10. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	7.308.000	
11. Hội nghị		
12. Công tác phí	12.000.000	
13. Chi phí thuê mướn	126.000.000	
14. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình	50.000.000	
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	17.000.000	
16. Chi khác	61.224.910	
17. Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở...		
18. Phụ cấp ưu đãi nghề (dạy học sinh khuyết tật)		
19. Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		
20. Trợ cấp Tết thành phố		
21. Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		
DỰ TOÁN CÒN LẠI		
CHUYỂN SANG NĂM 2026		

KINH PHÍ HUỖ**c. Nguồn khác**

- Tiền gửi: Từ Tháng 01/2025 đến Tháng 6/2025

TT	Danh mục	Doanh thu	Chi phí	Còn lại
1	Tiền ăn + nhiên liệu	953.370.000	982.641.120	151.062.071
2	Hỗ trợ người nấu ăn	252.450.000	225.625.452	45.440.961
3	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	492.855.000	508.860.799	6.651.865
4	Trang TBBT	15.120.000	12.272.000	2.880.000
5	Tiếng anh yếu tố nước ngoài	92.780.000	93.728.010	7.825.390
6	Học thêm thứ 7	93.600.000	73.969.000	41.237.784
7	Học hè	145.660.000	148.400.000	2.894.000
8	Dịch vụ coi xe	42.900.000	31.104.500	18.788.750
9	Toán tư duy	54.880.000	51.632.580	4.383.420
10	Erobic	32.640.000	32.184.960	2.573.040

- Bảo hiểm y tế (KP CSSKBD): từ tháng 1 đến tháng 6/2025

Năm học 2024-2025 chuyển sang: 11.473.977đ

Tổng cấp năm học 2024-2025 : đồng

Tổng chi: 9.600.000đ

2. Công khai các khoản thu năm học 2024-2025 và dự kiến 2 năm tiếp theo

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2024-2025			
1	Học phí	đồng/học sinh/ tháng	0	TP hỗ trợ theo Nghị quyết số 54/2022/NQ-HĐND Thành phố
2	Tiền ăn + CD	đồng/học sinh/ ngày	30.000	
3	Chăm sóc bán trú	đồng/học sinh/tháng	150.000	
4	Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính	đồng/học sinh/ tháng	330.000	
5	Đồ dùng TB bán trú (học sinh mới)	đồng/học sinh/ năm học	360.000	
6	Đồ dùng TB bán trú (học sinh cũ)	đồng/học sinh/ năm học	200.000	
II	Năm học 2025-2026			
1	Học phí	đồng/học sinh/ tháng	0	TP hỗ trợ theo Nghị quyết số 54/2022/NQ-HĐND Thành phố
2	Tiền ăn + CD	đồng/học sinh/ ngày	30.000	
3	Chăm sóc bán trú	đồng/học sinh/tháng	150.000	
4	Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính	đồng/học sinh/ tháng	330.000	
5	Đồ dùng TB bán trú (học sinh mới)	đồng/học sinh/ năm học	360.000	
6	Đồ dùng TB bán trú (học sinh cũ)	đồng/học sinh/ năm học	200.000	

3. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 30/6/2025

S	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	208.642.212	
III	Các khoản giảm trừ			
1	Số lượng NPT tính giảm trừ	Người		
2	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng		
3	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Đồng		
4	Bảo hiểm được trừ	Đồng		
IV	Thu nhập tính thuế	Đồng		

4. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2025

Số TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4		6
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.271.985.987	2.271.985.987		
	Tiền lương	669.963.528	669.963.528		
	Lương hợp đồng theo chế độ	65.286.000	65.286.000		
	Phụ cấp lương	370.140.634	370.140.634		
	Các khoản đóng góp	196.641.609	196.641.609		
	Tiền thưởng	174.974.800	174.974.800		
	Phúc lợi tập thể				
	Thanh toán dịch vụ công	44.306.630	44.306.630		
	Vật tư văn phòng	15.560.000	15.560.000		

	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1.827.000	1.827.000		
	Công tác phí	3.000.000	3.000.000		
	Chi phí thuê mướn	54.422.200	54.422.200		
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	21.090.453	21.090.453		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	20.218.100	20.218.100		
	Chi khác	809.529.833	809.529.833		
	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở'...				
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	500.845.000	500.845.000		

Nơi nhận:

- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu VT

**TM. NHÀ TRƯỞNG
HIỆU TRƯỞNG**

Trần Thị Thu Thủy